SACOMBANK

LÃI SUẤT, PHÍ, KỲ HẠN DỊCH VỤ VAY TIÊU DÙNG TRÊN SACOMBANK PAY

Khách hàng đã có thẻ tín dụng (TTD) hiện hữu: chỉ áp dụng chủ thẻ tín dụng cá nhân.

STT	Hạng mục		Nội dung
1	Kỳ hạn		2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 18, 24, 30, 36, 48 và 60 tháng.
2	Phương thức tính lãi		Góp đều
3	Giá trị đăng ký tối thiểu	2, 3, 4, 5, 6 tháng	6.000.000 VND
		7 tháng	7.000.000 VND
		8 tháng	8.000.000 VND
		9 tháng	9.000.000 VND
		10 tháng	10.000.000 VND
		11 tháng	11.000.000 VND
		12 tháng	12.000.000 VND
		18 tháng	18.000.000 VND
		24 tháng	24.000.000 VND
		30 tháng	30.000.000 VND
		36 tháng	36.000.000 VND
		48 tháng	48.000.000 VND
		60 tháng	60.000.000 VND
4	Giá trị đăng ký tối đa	Khách hàng	100.000.000 VND
5	Phí tất toán trước hạn	Khách hàng	2% x (nhân) số vốn gốc tất toán trước hạn
6	Lãi suất	Đối với các kỳ hạn 2, 3, 4, 5 tháng	1.2%/tháng
		Đối với các kỳ hạn 6, 7, 8, 9,10,11,12,18, 24, 30, 36, 48 và 60 tháng	1.5%/tháng
7	Phí chậm thanh toán	Khách hàng	3% x (nhân) Số tiền (gốc + lãi) thanh toán hàng tháng, Tối thiểu: 100.000 VND Tối đa: 300.000 VND